

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: **3983/QĐ-UBND**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày **02** tháng **11** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án thành phần, Dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” tại tỉnh Quảng Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2014 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ dự án thành phần, dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” tỉnh Quảng Bình cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông báo số 555 - TB/TU ngày 16/8/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 31;

Căn cứ Công văn số 124/HĐND-VP ngày 29/9/2017 của Thường trực HĐND tỉnh về việc phương án sử dụng và trả nợ vốn vay Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Bình (vay vốn WB);

Xét Tờ trình số 2292/SNN-KL ngày 06/10/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về trình thẩm định phê duyệt Dự án “Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” tại tỉnh Quảng Bình (kèm Báo cáo thẩm định Dự án số 2291/SNN-KL ngày 06/10/2017);

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo kết quả thẩm định dự án thành phần số 2962/KHĐT-ĐN ngày 13/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đầu tư Dự án thành phần, Dự án “Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” tại tỉnh Quảng Bình, với các nội dung sau:

Stamp: QUẢNG BÌNH QUẢNG BÌNH
Số: 3112
Ngày: 03.11.17
Chuyên: ...
Lưu hồ sơ số: ...

1. Tên dự án thành phần: Dự án “Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” tại tỉnh Quảng Bình.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Tổ chức lập dự án, lập thiết kế cơ sở: Công ty TNHH Giống cây trồng nông - lâm nghiệp Nam Việt.

4. Mục tiêu, các nội dung và kết quả chính của Dự án

4.1. Mục tiêu:

- *Mục tiêu tổng thể:*

Khôi phục, phát triển và quản lý bền vững rừng ven biển nhằm tăng cường khả năng chống chịu trước bất lợi của các hiện tượng thời tiết cực đoan, nước biển dâng của vùng ven biển tỉnh Quảng Bình.

- *Mục tiêu cụ thể:*

+ Cải thiện quản lý rừng ven biển, ven sông ở các huyện đã được lựa chọn thông qua cải thiện các hoạt động lâm sinh để bảo vệ rừng ven biển, ven sông hiện có, góp phần giảm phát thải khí nhà kính; hỗ trợ các bên liên quan ở huyện, thị xã, thành phố bảo vệ và phát triển bền vững các dịch vụ của hệ sinh thái rừng; quản lý bảo vệ 1.153 ha rừng hiện có; phục hồi làm giàu 1.625 ha rừng kém chất lượng; trồng mới 1.458 ha; trồng 0,2 triệu cây phân tán.

+ Góp phần tái cấu trúc ngành lâm nghiệp thuộc các lĩnh vực: quy hoạch bảo vệ rừng ven biển, ven sông; nâng cao năng suất chất lượng rừng trồng qua việc cải thiện giống cây trồng lâm nghiệp; định giá rừng và thực nghiệm chi trả dịch vụ môi trường rừng ven biển; phát triển cơ chế liên kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm gắn với bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường năng lực quản trị rừng bền vững.

+ Tăng cường khả năng chống chịu của vùng ven biển, tăng tuổi thọ và giảm chi phí xây dựng, duy tu, bảo dưỡng đê biển và các công trình cơ sở hạ tầng vùng ven biển khác; phát triển sinh kế và nâng cao thu nhập cho cộng đồng ven biển thông qua hoạt động trồng rừng và bảo vệ rừng, áp dụng kỹ thuật mới trong nuôi trồng thủy sản thích ứng với khí hậu, sản xuất nông lâm kết hợp, du lịch sinh thái và liên kết giữa nông dân với các doanh nghiệp.

4.2. Các nội dung và kết quả chính của Dự án

a. Hợp phần 2: Phát triển và phục hồi rừng ven biển

- Nội dung: Hỗ trợ phát triển, phục hồi và quản lý bền vững hệ thống rừng ven biển, rừng ngập mặn ven sông và đầu tư phát triển vùng đệm cho những khu vực rừng ven biển để khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia quản lý bảo vệ rừng.

- Kết quả đạt chính:

+ Trồng mới rừng phòng hộ ven biển, ven sông (ngập mặn ven sông và trên cạn ven biển): 1.458 ha.

+ Phục hồi rừng phòng hộ ven biển, ven sông (ngập mặn ven sông và trên cạn ven biển): 1.625 ha. *lu*

+ Bảo vệ rừng ven biển bền vững thông qua hình thức giao khoán cho nhóm hộ/cộng đồng quản lý lâu dài theo cơ chế đồng chia sẻ lợi ích: 1.153 ha.

+ Rừng phòng hộ ven biển trên địa bàn 32 xã được đóng mốc ranh giới trên thực địa theo các chủ rừng được giao, đảm bảo ổn định lâm phận, ranh giới giữa rừng phòng hộ và các loại đất khác.

+ Khoảng 100 cộng đồng được hưởng lợi trực tiếp thông qua các cơ chế khuyến khích các hộ gia đình, cộng đồng tham gia bảo vệ, trồng và phục hồi rừng ven biển, rừng ngập mặn ven sông để tăng thu nhập và cải thiện sinh kế.

+ Hỗ trợ trồng, chăm sóc và bảo vệ lâu dài 0,2 triệu cây phân tán tại các khu vực đất công cộng thuộc địa bàn 32 xã Dự án thông qua đề xuất cạnh tranh từ các tổ chức đoàn thể trên địa bàn.

+ Đầu tư bằng các giải pháp công trình chống sạt lở, gây bồi, tạo bãi để phục hồi, phát triển rừng ven biển, ven sông đối với những khu vực ven biển có nguy cơ rủi ro cao do thiên tai bão lũ gây thiệt hại lớn đến các khu dân cư sinh sống, sản xuất. Cụ thể: Xây dựng: 04 km hàng rào chắn sóng, phá sóng gây bồi phục vụ trồng rừng; 01 km đê, kè dọc bờ biển chống cát bay, cát nhảy; 14 bảng nội quy, tuyên truyền về quản lý, bảo vệ rừng; 12,0 km đường lâm nghiệp.

b. Hợp phần 3: Tạo lợi ích bền vững từ rừng ven biển

- Nội dung: Hỗ trợ đầu tư các mô hình sinh kế; nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh, tạo doanh thu từ các khoản đầu tư; làm giảm sức ép từ các cộng đồng địa phương gây mất rừng, suy thoái rừng.

- Kết quả chính:

+ Cung cấp khoảng 32 gói đầu tư (nuôi trồng thủy sản sinh thái, chăn nuôi, trồng trọt, nông lâm kết hợp gắn liền kết với các doanh nghiệp, tạo chuỗi thị trường sản phẩm), với giá trị trung bình: 95.000 USD/gói được xác định thông qua quá trình lựa chọn cạnh tranh nhằm tạo lợi ích bền vững cho cộng đồng ven biển từ kết hợp giữa bảo vệ rừng và phát triển sinh kế.

+ Hỗ trợ 06 gói nâng cấp các cơ sở hạ tầng quan trọng phục vụ sản xuất, chế biến và tiếp thị hàng hóa, dịch vụ từ các khu rừng ven biển, với giá trị trung bình 394.000 USD/gói cho các xã thuộc 6 huyện/thị/thành phố trong vùng Dự án nhằm gia tăng lợi ích kinh tế và thiết lập liên kết các hoạt động tạo thu nhập của các nhóm hộ cộng đồng địa phương tham gia bảo vệ rừng ven biển, ven sông.

c. Hợp phần 4: Quản lý, giám sát và đánh giá Dự án

- Nội dung: Hỗ trợ thiết lập hệ thống giám sát đánh giá để thường xuyên theo dõi, đánh giá các hoạt động dự án, các tác động của Dự án; mua sắm trang thiết bị, tổ chức triển khai, thực hiện Dự án.

- Kết quả chính:

+ Tăng cường năng lực quản lý rừng bền vững cho các chủ rừng, chính quyền địa phương, nhóm hộ, cộng đồng và các bên liên quan thông qua hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và các giải pháp về giám sát theo dõi rừng.

+ Nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng địa phương và khuyến khích họ tham gia quản lý, bảo vệ bền vững rừng ven biển, ven sông sau khi Dự án kết thúc.

+ Nâng cấp, sửa chữa văn phòng Ban Quản lý Dự án tỉnh.

+ Mua sắm bàn ghế làm việc; thiết bị văn phòng Dự án; cung cấp 06 máy tính cho nhóm công tác thuộc 6 huyện, thị xã, thành phố và 32 máy tính cho nhóm công tác thuộc 32 xã tham gia Dự án.

5. Tiến độ thực hiện đầu tư: 06 năm (2017 - 2023).

6. Địa điểm đầu tư: Tại 32 xã, phường, cụ thể:

- Huyện Quảng Trạch (05 xã): Quảng Phú, Quảng Tùng, Quảng Xuân, Quảng Kim, Quảng Hưng.

- Huyện Bố Trạch (06 xã): Đại Trạch, Đồng Trạch, Đức Trạch, Trung Trạch, Thanh Trạch, Hải Trạch.

- Huyện Quảng Ninh (07 xã): Võ Ninh, Hải Ninh, Gia Ninh, Hiền Ninh, Duy Ninh, Tân Ninh, Hàm Ninh.

- Huyện Lệ Thủy (04 xã): Hồng Thủy, Thanh Thủy, Ngư Thủy Bắc, Ngư Thủy Trung.

- Thị xã Ba Đồn (08 xã, phường): Quảng Phong, Quảng Phúc, Quảng Thọ, Quảng Lộc, Quảng Tân, Quảng Thuận, Quảng Minh, Quảng Hải.

- Thành phố Đồng Hới (02 xã, phường): Quang Phú, Hải Thành.

7. Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (lâm nghiệp), nhóm B.

8. Giải pháp thiết kế trồng rừng, thiết kế cơ sở công trình

8.1. Thiết kế kỹ thuật đối với công trình lâm sinh

a. Trồng rừng mới trên đất cát ven biển và trên đất ngập mặn ven sông: 1.458 ha

- Trồng mới trên cát bán cố định: 1.000 ha. Giải pháp kỹ thuật gồm: Phương thức trồng: trồng thuần loài; loài cây trồng: Keo lá tràm, Keo lười liềm gieo ươm từ hạt; tiêu chuẩn cây con: theo quy định của UBND tỉnh, cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; mật độ trồng 3.333 cây/ha, cây cách cây 1,5 m, hàng cách hàng 2,0 m; kỹ thuật trồng: cày toàn diện và lên lớp trồng, đào hố 30 x 30 x 30 cm để trồng cây; thời vụ trồng: vào vụ Thu - Đông.

- Trồng mới trên cát di động: 373 ha. Giải pháp kỹ thuật gồm: Phương thức trồng: trồng thuần loài; loài cây trồng: Phi Lao; tiêu chuẩn cây con: theo quy định của UBND tỉnh, cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; mật độ trồng: 5.000 cây/ha, cây cách cây 1,0 m, hàng cách hàng 2,0 m; kỹ thuật trồng: đào hố xong trồng ngay; kích thước hố 30 x 30 x 30 cm; thời vụ trồng: vào vụ Thu - Đông.

- Trồng mới trên đất ngập mặn ven sông: 85 ha. Giải pháp kỹ thuật gồm: Phương thức trồng: trồng thuần loài hoặc hỗn giao 2 loài theo tỷ lệ 1: 1; loài cây trồng: Đước, Sú, Vẹt, Bần; tiêu chuẩn cây con: theo quy định của UBND tỉnh, cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; mật độ trồng: bình quân cho các loài

2.000 cây/ha, cây cách cây 2,0 m; kỹ thuật trồng: cắm cọc ổn định cây trồng; kích thước hố 60 x 60 x 60 cm.

b. Trồng nâng cấp rừng trên đất cát ven biển và rừng ngập mặn ven sông: 1.625 ha

- Trồng nâng cấp rừng trên đất cát ven biển: 1.596 ha. Giải pháp kỹ thuật gồm: Phương thức trồng: trồng thuần loài; loài cây trồng: Keo lá tràm, Keo lười liềm gieo ươm từ hạt, tiêu chuẩn cây con: theo quy định của UBND tỉnh, cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; mật độ trồng: 2.500 cây/ha; cây cách cây 2,0 m, hàng cách hàng 2,0 m; kỹ thuật trồng: đào hố xong trồng ngay; kích thước hố 30cm x 30cm x 30 cm; thời vụ trồng: vào vụ Thu - Đông.

- Trồng nâng cấp rừng ngập mặn ven sông: 29 ha. Giải pháp kỹ thuật gồm: Phương thức trồng: Trồng thuần loài hoặc hỗn giao 2 loài theo tỷ lệ 1: 1; loài cây trồng: Đước, Sú, Vẹt, Bần; tiêu chuẩn cây con: theo quy định của UBND tỉnh, cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; mật độ trồng: bình quân 1.000 cây/ha, cây cách cây 2,0 m; kỹ thuật trồng: cắm cọc ổn định cây trồng; kích thước hố 60 x 60 x 60 cm.

c. Chăm sóc rừng trồng:

- Đối với rừng trồng mới trên đất cát bán cố định: chăm sóc 04 năm, mỗi năm chăm sóc 02 lần, năm thứ tư chăm sóc 01 lần. Giải pháp kỹ thuật chăm sóc:

+ Đối với chăm sóc năm thứ nhất và năm thứ hai:

Chăm sóc lần 01, với các nội dung: Trồng dặm cây bị chết, cây sinh trưởng kém trong chăm sóc năm thứ nhất (trồng dặm 10% so với mật độ trồng rừng); bón phân NPK với liều lượng 0,1kg/cây; tuần tra canh gác ngăn chặn gia súc, người phá hoại cây trồng. Chăm sóc vào vụ Xuân.

Chăm sóc lần 02, với các nội dung: Dẫy cỏ, vun gốc với đường kính 0,8 - 1,0 m; tuần tra canh gác ngăn chặn gia súc, người phá hoại cây trồng.

+ Đối với chăm sóc năm thứ ba, năm thứ tư: Dẫy cỏ, vun gốc; tuần tra canh gác ngăn chặn gia súc, người phá hoại cây trồng.

- Chăm sóc rừng trồng trên đất cát di động: Chăm sóc 04 năm, mỗi năm chăm sóc 02 lần, năm thứ tư chăm sóc 01 lần. Giải pháp kỹ thuật chăm sóc:

+ Đối với chăm sóc năm thứ nhất và năm thứ hai:

Chăm sóc lần 01, với các nội dung: Sửa lại cây bị nghiêng ngã, bới cát cây bị vùi lấp; trồng dặm cây bị chết, cây sinh trưởng kém trong chăm sóc năm thứ nhất (trồng dặm 10% so với mật độ trồng rừng); bón phân NPK với liều lượng 0,1kg/cây; tuần tra canh gác ngăn chặn gia súc, người phá hoại cây trồng.

Chăm sóc lần 02, với các nội dung: Sửa lại cây bị nghiêng ngã, bới cát cây bị vùi lấp; tuần tra canh gác ngăn chặn gia súc, người phá hoại cây trồng.

+ Đối với chăm sóc năm thứ ba, năm thứ tư: Sửa lại cây bị nghiêng ngã, bới cát cây bị vùi lấp; tuần tra canh gác ngăn chặn gia súc, người phá hoại cây trồng.

- Đối với chăm sóc rừng trồng nâng cấp trên đất cát: Chăm sóc 04 năm, mỗi năm chăm sóc 02 lần, năm thứ tư chăm sóc 01 lần. Giải pháp kỹ thuật chăm sóc:

+ Đối với chăm sóc năm thứ nhất và năm thứ hai:

Chăm sóc lần 01, với các nội dung: Trồng dặm cây bị chết, cây sinh trưởng kém (trồng dặm 10% so với mật độ trồng rừng); bón phân NPK với liều lượng 0,1kg/cây.

Chăm sóc lần 02, với các nội dung: Dẩy cỏ, vun gốc với đường kính 0,8 - 1,0 m.

+ Đối với chăm sóc năm thứ ba, năm thứ tư: Dẩy cỏ, vun gốc với đường kính 0,8 - 1,0 m; sửa lại cây bị nghiêng ngã.

- Đối với chăm sóc rừng trồng mới và trồng nâng cấp rừng ngập mặn ven sông: chăm sóc trong 03 năm, mỗi năm chăm sóc 02 lần, năm thứ ba chăm sóc 01 lần.

+ Trồng dặm: Hỗ trợ 25 % cây giống vào năm đầu và 15% cây giống vào năm thứ hai.

+ Kỹ thuật chăm sóc: Cắm lại cọc, dựng và buộc lại cây, vớt rác, gỡ hà bám quanh thân cây.

d. Quản lý bảo vệ rừng: 1.153 ha (53 ha rừng ngập mặn ven sông, 1.100 ha rừng trên cạn ven biển)

Lập hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình và cá nhân sống trong vùng dự án theo các quy định hiện hành.

e. Trồng, chăm sóc và quản lý bảo vệ 0,2 triệu cây phân tán trên phạm vi 32 xã tham gia Dự án

Đối tượng để trồng cây phân tán: Là đất được phân loại là rừng phòng hộ ven biển thuộc quyền sở hữu của nhà nước; đất trống ở ven đường giao thông nông thôn, ven các tuyến kênh, mương và các công cộng. Phương thức trồng theo dải, theo đám.

Loại cây trồng: Chọn loài cây có tính chất đa mục đích, chống chịu được với gió bão, tạo cảnh quan, ưu tiên trồng cây bản địa.

Phương thức và cơ cấu cây trồng: Tùy theo điều kiện đất để bố trí cây trồng hỗn giao hoặc thuần loại. Xác định cơ cấu, tỷ lệ loài cây trồng phân tán tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên, địa hình, thổ nhưỡng và mục tiêu trồng để xác định cho phù hợp với từng vùng. Cây giống phải đảm bảo chất lượng và là những cây có chiều cao tối thiểu 2m trở lên.

8.2. Thiết kế kỹ thuật đối với công trình cơ sở hạ tầng lâm sinh

- Xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp cấp IV theo tiêu chuẩn TCVN 7025 - 2002 với tổng chiều dài $L = 12\text{km}$.

- Xây dựng 14 bảng tuyên truyền bảo vệ rừng: Bảng thông tin tuyên truyền xây bằng gạch, được thiết kế với chiều cao 2,46 m, đỉnh bảng có mái che bằng vữa xi măng vuốt ống giả sơn màu đỏ. Móng bê tông đã rửa sạch; trụ BTCT; Tường xây gạch Tuynen VXM M.75#, trát phẳng, hoàn thiện sơn màu.

- Xây dựng hệ thống đê kè dọc bờ biển để chống cát bay, cát chảy (01 km); Hàng rào chắn sóng, phá sóng gây bồi phục vụ trồng rừng (04 km): *Chu*

Thiết kế kỹ thuật đối với các hạng mục công trình trên sẽ do đơn vị tư vấn lập và báo cáo chủ đầu tư, trình UBND tỉnh phê duyệt sau khi khảo sát, xác định vị trí xây dựng cụ thể.

8.3. Các gói đầu tư tạo lợi ích từ rừng ven biển

- Đầu tư tạo ra những lợi ích từ rừng ven biển: Dự án cung cấp các gói đầu tư được xác định thông qua một quá trình lựa chọn cạnh tranh. Các hộ gia đình có đủ điều kiện để tham gia các nhóm nộp đề xuất nhận các gói đầu tư phải chủ động tham gia bảo vệ rừng và là một phần của các cộng đồng tham gia quản lý rừng phòng hộ ven biển dựa vào cộng đồng.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất: Chính quyền địa phương, các nhóm cộng đồng và khu vực công ưu tiên lựa chọn dựa trên các tiêu chí như: có đóng góp đáng kể để tăng thêm cơ hội tạo thu nhập cho cộng đồng địa phương; góp phần tạo thu nhập từ việc khôi phục rừng ven biển,... Các công trình trên được thực hiện trên đất công, mà cơ quan nhà nước có các quyền hợp pháp.

- Các hoạt động cụ thể và trình tự thực hiện được nêu chi tiết tại Sổ tay hướng dẫn xây dựng riêng và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

9. Phương án bảo vệ môi trường, an toàn xã hội, phòng chống cháy, nổ: Thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà tài trợ.

10. Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của Dự án:

10.1. Tổng mức đầu tư: 22.011.000 USD tương đương 501,499 tỷ đồng.

- Phân bổ vốn theo hợp phần:

ĐVT: 1.000 USD

T T	Hợp phần	Tổng nguồn vốn	Vốn vay WB		Vốn đối ứng		
			NSTW	Vay lại	Tổng	ĐTPT	HCSN
1	Hợp phần 2: Phát triển và phục hồi rừng ven biển	14.785,00	13.319,00	912,18	553,72	360,72	193,00
2	Hợp phần 3: Tạo lợi ích bền vững từ rừng ven biển	5.644,00	4.215,00	1.053,60	375,40	335,40	40,00
3	Hợp phần 4: Quản lý, giám sát & đánh giá dự án:	1.582,00	-	-	1.581,88	115,00	1.466,88
4	Tổng cộng	22.011,00	17.534,00	1.966,00	2.511,00	811,12	1.699,88

Tiến độ kế hoạch vốn hàng năm:

ĐVT: 1.000 USD

TT	Năm	Tổng nguồn vốn	Vốn vay của WB		Vốn đối ứng		
			NSTW	Vay lại	Tổng	ĐTPT	HCSN
1	2018	1.930,58	1.206,00	291,00	433,58	131,10	302,48

2	2019	2.978,67	2.468,00	102,00	408,67	75,19	333,48
3	2020	8.706,59	7.486,00	696,70	523,89	215,41	308,48
4	2021	6.397,96	5.311,00	620,70	466,26	207,78	258,48
5	2022	1.647.13	986,00	241,40	419,73	167,25	252,48
6	2023	350.07	77,00	14,20	258.87	14.39	244,48
Tổng cộng		22.011,00	17.534,00	1.966,00	2.511,00	811,12	1.699,88

10.2. Cơ cấu nguồn vốn:

- Nguồn vốn IDA của WB: 19.500.000 USD: Ngân sách Trung ương cấp phát một phần và địa phương vay lại một phần từ nguồn vốn vay ưu đãi của Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA) của Ngân hàng Thế giới (WB), cụ thể:

+ Ngân sách Trung ương cấp phát: 17.534.000 USD. Sử dụng để thực hiện các hoạt động của Hợp phần 2 - Phát triển và phục hồi rừng ven biển và Hợp phần 3 - Tạo lợi ích bền vững, lâu dài từ rừng ven biển.

+ Tỉnh vay lại: 1.966.000 USD. Sử dụng để thực hiện các hạng mục trồng cây phân tán; rà phá bom mìn; đầu tư các công trình bảo vệ rừng thuộc Hợp phần 2; các gói đầu tư tạo lợi ích bền vững, lâu dài từ rừng ven biển thuộc Hợp phần 3.

- Nguồn vốn đối ứng: 2.511.000 USD: Do ngân sách địa phương tự cân đối từ nguồn sự nghiệp và đầu tư phát triển, cụ thể:

+ Nguồn vốn đầu tư phát triển: 811.120 USD. Sử dụng để chi trả cho các hoạt động chuẩn bị đầu tư trồng, bảo vệ rừng, nghiệm thu, giám sát rừng cộng đồng, hỗ trợ lựa chọn các gói đầu tư cơ sở hạ tầng tạo ra lợi ích từ rừng và phục vụ sản xuất.

+ Nguồn vốn sự nghiệp: 1.699.880 USD. Sử dụng để chi trả các hoạt động tập huấn, nâng cao năng lực; trả lương, phụ cấp và chi phí hoạt động thường xuyên của Dự án.

11. Hình thức quản lý Dự án: Chủ đầu tư thành lập Ban Quản lý để triển khai thực hiện dự án thành phần trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch hoạt động và ngân sách hàng năm của Dự án, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án: Có Quyết định phê duyệt riêng.

2. Trách nhiệm Chủ đầu tư:

- Triển khai thực hiện dự án theo đúng các nội dung đã được phê duyệt.

- Sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo chất lượng và tiến độ dự án, thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng. Thực hiện Dự án theo số vốn bố trí hàng năm, không gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Đối với các hạng mục xây dựng cơ sở hạ tầng lâm sinh: Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ kế hoạch công tác và ngân sách hàng năm được duyệt, Chủ đầu tư có trách nhiệm thuê tư vấn khảo sát, thiết kế trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trước khi thực hiện. *He*

- Đảm bảo việc thực hiện Dự án không chồng lấn lên các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã: Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy, Đồng Hới, Ba Đồn và Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, KTTH;
- Lưu: VT, CVNN;



Nguyễn Hữu Hoài